

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 26-6-2020.  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Ông Lâm Văn Bình.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt

3. *Người làm chứng:* Ông Mai Văn N, sinh năm 1959. Địa chỉ: ấp L, xã A, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 06/02/2020 trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào ngày 14/02/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh AG. Hôn nhân do mai mối và chị cũng đồng ý kết hôn với anh T. Sau khi cưới chị và anh T cùng đi làm tại tỉnh Bình Dương, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 12 năm 2017 thì vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân, do anh T thường xuyên uống rượu, cờ bạc và không lo lắng quan tâm vợ con. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh T không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh T chung sống với nhau có một con chung, là con trai tên Bùi Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 28/8/2015. Hiện con chung đang sinh sống cùng chị từ khi chị và anh T không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình chị nuôi dưỡng và chăm sóc con chung thì anh T có đến thăm con nhưng không có gửi quà hay tiền cho con chung. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân lương mỗi tháng được 9.000.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân thì chị còn dư lại khoảng 3.000.000đ, đủ để chị nuôi dưỡng con chung và chị đang sống chung với cha mẹ ruột, có thể phụ chị chăm sóc con chung Hoàng K.

3. Về tài sản chung: Chị và anh T chung sống với nhau không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh Bùi Văn T đã được Tòa án tiến hành thông đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2020 người làm chứng ông Mai Văn N, trình bày: Ông là bác họ chị P, nhà của ông sát bên nhà của chị P và anh T, không có mâu thuẫn gì với chị P và anh T. Vợ chồng chị P cưới nhau có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới thì vợ chồng cùng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm. Trước kia, anh T cũng có hay về nhà vợ vào mỗi dịp lễ, tết chỉ có 01 - 02 năm nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên không còn thấy anh T về nhà vợ nữa. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu say. Cách đây 02 năm vợ chồng chị P có đến Tòa án làm thủ tục ly hôn nhưng chưa làm xong thì anh T bỏ về nên chưa ly hôn được. Hiện nay, vợ chồng chị P đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không sống chung nhà. Vợ chồng chị P có một con chung tên Bùi Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 28/5/2015, cháu K đang sống với chị P. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị P thì ông không biết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp

luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Bùi Văn T, vì anh T không lo làm ăn mà thường xuyên uống rượu và cờ bạc và chị P và anh T không còn sống chung từ năm 2017 và cũng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh T đã được triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ anh T không có thiện chí đoàn tụ với chị P. Về việc nuôi con: Con chung Hoàng K hiện còn nhỏ và sống với chị P từ năm 2017 cho đến nay. Do đó để ổn định trong việc chăm sóc, giáo dục con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Bùi Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 28/8/2015 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Thị P có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Bùi Văn T và anh T hiện cư trú tại ấp L, xã A, huyện HN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Bùi Văn T, người làm chứng ông Mai Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T, ông N vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, ông N đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, ông N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Bùi Văn T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 146/2014 quyền số 01/2014 ngày 10/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh AG là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn T. Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình chung sống chị P cho rằng chị và anh T chung sống không hạnh phúc, vì anh T thường xuyên uống rượu, cờ bạc và không lo lắng, quan tâm vợ con nên chị và anh T không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay, chị và anh T có gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Hội đồng xét xử đã động viên chị P hàn gắn tình cảm với anh T nhưng chị P vẫn cương quyết ly hôn. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vẫn không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa án hòa giải với chị P để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Đồng thời, người làm chứng ông Mai Văn N cũng trình bày thì chị P và anh T mâu thuẫn là do anh T thường xuyên uống rượu say và vợ chồng cũng từng đến Tòa án để làm thủ tục ly hôn nhưng do anh T bỏ về nên không ly hôn được. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị P và anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc chị P yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Bùi Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Bùi Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 28/8/2015 hiện đang sinh sống ổn định cùng chị P, được đảm bảo về mọi mặt. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con chung Bảo Kg cho chị P được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị P đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị P chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001187 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2

Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị P. Cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Bùi Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 28/8/2015 cho chị Nguyễn Thị P được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị P tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001187 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/6/2020) đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Thị Thùy Dung**